

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2023/DS-ST**
Ngày: 25/09/2023
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Lê Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 07 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-DS ngày 12/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Xuân V, sinh năm 1993 – có mặt;

Địa chỉ: Số 13 Y Đôn, phường E, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 389 Tr, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ (thuộc C10 - Bộ Công An), huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M: Bà Vũ Thị Kim Thanh, sinh năm 1975 – theo văn bản ủy quyền ngày 15/9/2023 – có mặt.

Địa chỉ: 84 Hồ T, tổ dân phố 3, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Trước đây anh V làm ở bộ phận tín dụng Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, do có quen biết bà M từ trước, bà M là khách hàng vay quen thuộc của Ngân hàng. Ngày 17/6/2022, anh V có cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng xong sẽ thanh toán ngay cho anh V. Anh V đã nhiều lần đi đòi nợ nhưng không biết bà M ở đâu. Sau đó được biết bà M dính vào pháp luật phải đi tù không trả cho anh V như thỏa thuận đã vay. Do bà M đang chấp hành án tại trại giam Đắk Trung nên ngày 23/6/2023, hai bên có lập giấy xác nhận công nợ số tiền gốc 1.300.000.000 đồng. Khi cho bà M vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay không vượt quá lãi suất quy định của pháp luật tức không vượt quá 20%/năm (tức không vượt quá 1,66%/tháng). Mặc dù trong giấy xác nhận nợ ghi thời hạn trả khi nào bà M ra tù sẽ thanh toán cho anh V số tiền vay tuy nhiên anh V thấy không phù hợp vì bản chất số tiền bà M vay anh V là từ ngày 17/6/2022 vay để đáo hạn Ngân hàng sau đó bà M trốn tránh cố tình không trả như cam kết, bà M còn vi phạm về nghĩa vụ trả lãi cho anh V nên để bảo vệ quyền lợi của mình và hành vi tẩu tán tài sản của bà M nên anh đã khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Từ khi vay đến nay bà M chưa thanh toán cho anh V được số tiền gốc và tiền lãi nào. Quá trình giải quyết anh V yêu cầu bà M thanh toán cho anh số tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi mà các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật là 20%/năm, tại phiên tòa anh V đề nghị HĐXX tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M thừa nhận có vay của anh Phan Xuân V 1.300.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 17/6/2022, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 23/6/2023, hai bên có lập giấy xác nhận công nợ số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng tại trại giam Đắk Trung. Các bên thỏa thuận miệng lãi suất cho vay theo quy định của pháp luật tức lãi suất vay không vượt quá 1,66%/tháng. Nay bà M đồng ý thanh toán cho anh V số tiền gốc và tiền lãi 13%/năm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn thanh toán thì bà M đồng ý trả khi bà được ra tù.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M trình bày:

Sau khi xem xét hồ sơ vụ án thì bên bị đơn chỉ đồng ý trả tiền gốc là 1.300.000.000 đồng cho bên anh V còn tiền lãi suất thì bên bị đơn không đồng ý trả vì chứng cứ vay tiền không có mà chỉ có giấy xác nhận nợ lập tại trại giam do một mình bà M ký. Đề nghị nguyên đơn xem xét chấp nhận cho bị đơn được trả tiền gốc nếu anh V đồng ý thì đề nghị HĐXX lập biên bản công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:[1]. Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Anh Phan Xuân V khởi kiện bà Nguyễn Thị M trả số tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ nhất mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đang chấp hành án tại trại giam Đắk Trung nên vắng mặt phiên tòa lần 1. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ 2 bị đơn đã ủy quyền cho bà Vũ Thị Kim Th tham gia tố tụng bà Thanh có mặt. Do đó, việc HĐXX tiến hành mở phiên tòa xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 17/6/2022, anh Phan Xuân V có cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 23/6/2023, anh V và bà M có lập giấy xác nhận công nợ số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng tại trại giam Đắk Trung. Tại thời điểm vay tiền các

bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện, nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bị đơn bà Nguyễn Thị M cũng thừa nhận vay của anh V số tiền gốc 1.300.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS thì “...2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Nên đây là những sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị bà M trả số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng, HĐXX thấy rằng: Bà M đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của BLDS năm 2015 “1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”.

Tại khoản 1 Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”. Bà M đã vi phạm nghĩa vụ dân sự nên anh V yêu cầu trả số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về yêu cầu lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án anh V và bà M đều thừa nhận hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay bằng miệng theo quy định của pháp luật tức không vượt quá 20%/năm (tức 1,66%/tháng), tuy nhiên bên anh V và bà M không thống nhất lãi suất vay cụ thể là bao nhiêu, không xác định được rõ lãi suất. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà M không đồng ý trả tiền lãi. Tại khoản 2 Điều 468 của BLDS quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.” HĐXX tính lãi suất như sau: 1.300.000.000 đồng x 0,83% x 15 tháng 08 ngày = 165.323.000 đồng (làm tròn số).

Từ phân tích trên, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà M phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.465.323.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, nợ lãi là 165.323.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của BLDS để tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự là 55.960.000 đồng (làm tròn số).

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 351; khoản 2 Điều 357; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 của BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Xuân V.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ phải trả cho anh Phan Xuân V 1.465.323.000 đồng (Một tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, nợ lãi là 165.323.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp 55.960.000 đồng (làm tròn số) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn 25.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000318 ngày 05/7/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Luân

